

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM THỦY  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn và  
nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thư và bà Trịnh Thị Khanh.

**-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H năm 1978.

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T năm 1989

Trú tại: Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2024 và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị và anh Trần Văn T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13/8/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2020, chị và con về quê ngoại ở Hưng Yên ăn tết, nhưng do dịch C – 19 nên hai mẹ con ở lại nhà ngoại từ đó cho đến nay. Đến tháng 09/2022 vợ

chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, dẫn đến hay cãi nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T1**.

Bị đơn anh **T1** trình bày: Anh và chị **H1** tự nguyện kết hôn và có đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã C** vào ngày 13/8/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến tháng 02/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay chị **H1** làm đơn ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trần Nguyễn Tường V**, sinh ngày 19/4/2020. Nay ly hôn chị **H1** và anh **T1** thống nhất: giao cháu **V** cho chị **H1** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **H1** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị **Nguyễn Thị H1** và anh **Trần Văn T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị H1** được ly hôn anh **Trần Văn T1**.

Về con chung: Vợ chồng chị **H1** và anh **T1** có 01 con chung là **Trần Nguyễn Tường V**, sinh ngày 19/4/2020. Giao cháu **V** cho chị **H1** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị **H1** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị **H1** và anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **H1** phải chịu 300.000đ án phí DSST.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H1** làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh **Trần Văn T1** trú tại: **Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Do đó, việc chị **H1** khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị **Nguyễn Thị H1** và anh **Trần Văn T1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị **H1** và anh **T1** theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật TTDS.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị **H1** và anh **T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa** vào ngày 13/8/201, nên công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị **H1** và anh **T1** phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, tình cảm không còn. Chị **H1** xin ly hôn, anh **T1** đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu của chị **H1** là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trần Nguyễn Tường V**, sinh ngày 19/4/2020. Giao cháu **V** cho chị **H1** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị **H1** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **H1** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 5 điều 177, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị **Nguyễn Thị H1** được ly hôn anh **Trần Văn T1**.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trần Nguyễn Tường V**, sinh ngày 19/4/2020. Giao cháu **V** cho chị **H1** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị **H1** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con. Anh **T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **H1** phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23 số 0000950, ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị **H1** đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thủy.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy.
- UBND xã Cẩm Giang.
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Ánh Tuyết**

**Hội thẩm nhân dân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**





